

Phụ lục III
DANH MỤC CÔNG TRÌNH DỰ KIẾN XÂY MỚI
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNNMT ngày tháng năm 2026 của
Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

TT	Tên công trình	Tỉnh	Nhiệm vụ công trình			Giai đoạn thực hiện	
			Tưới (ha)	Tiêu (ha)	Kết hợp nhiệm vụ khác	Đến 2030	Sau 2030
A	CÔNG TRÌNH DÒNG CHÍNH						
1	Đập Xuân Quan	TP. Hà Nội	Điều tiết, kiểm soát dòng chảy, dâng mực nước trên sông Hồng lấy vào hệ thống thủy lợi Bắc Hưng Hải, Bắc Đuống, Sông Nhuệ và một số công trình lấy nước ven sông, tạo cảnh quan, môi trường, phát triển du lịch, giảm lượng nước xả gia tăng từ các hồ thủy điện thượng lưu...			x	x
2	Đập Long Tửu	TP. Hà Nội				x	x
3	Hồ Văn Lãng	Thái Nguyên	Dung tích 140 triệu m ³ , cát, giảm lũ cho hạ du; tạo nguồn cấp cho nông nghiệp, DS, CN; cải tạo cảnh quan môi trường, du lịch, thủy sản, phát điện			x	x
B	CÔNG TRÌNH CÁC VÙNG						
B.1	Vùng lưu vực sông Cầu - Thương						
I	Hồ đập						
1	Hồ Làng Hà 2	Phú Thọ	200		Điều tiết dòng chảy		x
2	Hồ Tâm Bét	Phú Thọ	178		Điều tiết dòng chảy		x
3	Hồ Đền Thông	Phú Thọ	160		Điều tiết dòng chảy		x
4	Hồ Hang Dơi	Phú Thọ	150		Điều tiết dòng chảy		x
5	Hồ Đồng Giếng	Phú Thọ	120		Điều tiết dòng chảy		x
6	Hồ Ba Dốc	Phú Thọ	100		Điều tiết dòng chảy		x
7	Hồ Lông Sâu	Phú Thọ	100		Điều tiết dòng chảy		x
8	Hồ Nà Lạnh	Bắc Ninh	21.000 (210 triệu m ³)		Cấp nước CN, DS, phòng chống lũ	x	x
9	Hồ Làng Chả	Bắc Ninh	486			x	
10	Hồ Duồng	Bắc Ninh	235			x	
11	Hồ Vườn Khoang	Bắc Ninh	300			x	
12	Hồ Chùm Dâu	Bắc Ninh	187				x
13	Hồ Đồng Công	Bắc Ninh	170				x
14	Hồ Rộc Cam	Bắc Ninh	112				x
15	Hồ Cái Cạn	Bắc Ninh	100			x	

TT	Tên công trình	Tỉnh	Nhiệm vụ công trình			Giai đoạn thực hiện	
			Tưới (ha)	Tiêu (ha)	Kết hợp nhiệm vụ khác	Đến 2030	Sau 2030
16	Hồ Bàn Thờ	Bắc Ninh	100			x	
17	Hồ Cầu Đá	Bắc Ninh	100			x	
18	Hồ Na Hem	Bắc Ninh	92			x	
19	Hồ Ba Vành	Bắc Ninh	95			x	
20	Hồ Đá Húc	Bắc Ninh	90			x	
21	Hồ Cốc Đán	Thái Nguyên	65		Cấp nước DS	x	
22	Hồ Thượng Ân	Thái Nguyên	50		Cấp nước DS	x	
23	Hồ Nà Phặc	Thái Nguyên	40		Cấp nước DS	x	
24	Hồ Thôm Nhát	Thái Nguyên	107		Cấp nước DS	x	
25	Hồ Khuổi Lịa (Nà Rào)	Thái Nguyên	80		Cấp nước DS		
26	02 đập dâng trên sông Cầu	Thái Nguyên	Tạo nguồn cấp nước		Tạo cảnh quan môi trường	x	x
27	Hồ Khuổi Linh	Thái Nguyên	180			x	
28	Hồ Khuổi Thiêu	Thái Nguyên	80			x	
29	Hồ Khau Dạ	Thái Nguyên	60			x	
30	Hồ Khuổi Nhác	Thái Nguyên	40			x	
31	Hồ Nguyên Phúc	Thái Nguyên	40			x	
32	Đập Nà Bang	Thái Nguyên	55			x	
33	Hồ Quan Làng	Thái Nguyên	65			x	
34	Hồ Cẩm Giàng	Thái Nguyên	25			x	
35	Hồ Sỹ Bình	Thái Nguyên	25			x	
36	Hồ Khuổi Lặng	Thái Nguyên	15			x	
37	Đập Trần Thác Huống 2	Thái Nguyên			Tăng khả năng tiêu, thoát lũ, giảm ngập lụt cho đô thị trung tâm tỉnh Thái Nguyên; thủy điện, du lịch...		x
38	Hồ Khuôn Nhà	Thái Nguyên	1.040				x
39	Hồ Khe Chì	Thái Nguyên	299				x
40	Hồ Đồng Nghè 2	Thái Nguyên	249				x
41	Hồ Khuổi Mạ	Thái Nguyên	192				x
42	Hồ Hải Hà	Thái Nguyên	180				x
43	Hồ Núi Phật	Thái Nguyên	166				x
44	Hồ Đồng Giã	Thái Nguyên	70			x	
45	Hồ Vực Rồng	Thái Nguyên	150				x

TT	Tên công trình	Tỉnh	Nhiệm vụ công trình			Giai đoạn thực hiện	
			Tưới (ha)	Tiêu (ha)	Kết hợp nhiệm vụ khác	Đến 2030	Sau 2030
46	Hồ Cống Đồn 1, 2	Thái Nguyên	150				x
47	Hồ Bờ Tắc	Thái Nguyên	140				x
48	Hồ Làng Cam	Thái Nguyên	133				x
49	Hồ Rõng Nghè	Thái Nguyên	133				x
50	Hồ Khuôn Tát	Thái Nguyên	128			x	
51	Hồ Suối Tang	Thái Nguyên	120				x
52	Hồ Khuổi Tang	Thái Nguyên	104				x
53	Hồ Kẹm	Thái Nguyên	40			x	
54	Hồ Đầm Làng	Thái Nguyên	36			x	
55	Hồ Ngàn Me	Thái Nguyên	45			x	
56	Hồ Nà Ngoà	Thái Nguyên	70			x	
57	Hồ Làng Pháng	Thái Nguyên	70			x	
58	Hồ Ao Cùg	Thái Nguyên	33			x	
59	Hồ Hàm Long	Thái Nguyên	32			x	
60	Hồ Đầm Quyền	Thái Nguyên	32			x	
61	Hồ Lương Bình	Thái Nguyên	32			x	
62	Hồ Tò Tò	Thái Nguyên	21			x	
63	Hồ Cẩm Giàng	Thái Nguyên	Tạo nguồn cấp nước		Cắt, giảm lũ hạ du; tạo nguồn cấp nước DS, CN, TS; môi trường, du lịch, phát điện	x	x
64	Hồ Nghinh Tường	Thái Nguyên	Tạo nguồn cấp nước		Cắt, giảm lũ hạ du; tạo nguồn cấp nước DS, CN, TS; môi trường, du lịch, phát điện	x	x
65	Xây mới các hồ, đập nhỏ vùng lưu vực sông Cầu - Thương	Các tỉnh					x
II	Trạm bơm						
1	Trạm bơm Kim Đôi 3	Bắc Ninh		600	Tiêu DS, ĐT, CN		x
2	Trạm bơm Vạn An 3	Bắc Ninh	2.293				x
3	Trạm bơm Trịnh Xá 2	Bắc Ninh	4.520	400	Tiêu DS, ĐT, CN		x
4	Trạm bơm Phấn Động 2	Bắc Ninh	1.955	300		x	x
5	Trạm bơm Vọng Nguyệt 2	Bắc Ninh		400	Tiêu DS, ĐT, CN	x	
6	Trạm bơm Long Khê 2	Bắc Ninh		200			x
7	Trạm bơm Tân Chi 3	Bắc Ninh		5.341	Tiêu DS, ĐT, CN	x	x
8	Trạm bơm Hán Quảng 2	Bắc Ninh		2.100	Tiêu DS, ĐT, CN	x	x

TT	Tên công trình	Tỉnh	Nhiệm vụ công trình			Giai đoạn thực hiện	
			Tưới (ha)	Tiêu (ha)	Kết hợp nhiệm vụ khác	Đến 2030	Sau 2030
9	Trạm bơm Thái Hoà 2	Bắc Ninh	1.600	2.568	Tiêu DS, ĐT, CN	x	x
10	Trạm bơm Vĩnh Thanh	TP. Hà Nội		7.000	Tiêu DS, ĐT		x
11	Trạm bơm Long Tửu	TP. Hà Nội		5.860	Tiêu DS, ĐT, CN		x
12	Trạm bơm Thụy Lôì	TP. Hà Nội		1.200			x
13	Trạm bơm Xuân Kỳ	TP. Hà Nội		1.110	Tiêu DS		x
14	Trạm bơm Kim Lũ	TP. Hà Nội		793			x
15	Trạm bơm Bạch Trữ	TP. Hà Nội		300			x
16	Cụm đầu mỗi trạm bơm Xuân Phương (trạm bơm, điều tiết)	Phú Thọ		1.000			x
17	Trạm bơm Hồng Châu	Phú Thọ	200				x
18	Trạm bơm Vũng bãi Vạt, Trạm bơm Miêu Gia	Phú Thọ	160				x
19	Trạm bơm Nghinh Tiên	Phú Thọ		2.500			x
20	Trạm bơm Ghềnh Đá	Phú Thọ		500			x
21	Trạm bơm Quán Bạc	Phú Thọ	1.200			x	
22	Trạm bơm Cầu Gáo (Đồng Tĩnh)	Phú Thọ		1.200			x
23	Trạm bơm Bá Thiện	Phú Thọ		1.000			x
24	Trạm bơm Khánh Nhi	Phú Thọ		500			x
25	Trạm bơm Hoàng Vân	Bắc Ninh	4.400				x
26	Hệ thống tiêu ngòi Đa Mai (*)	Bắc Ninh		11.000	Tiêu ĐT, CN, DS	x	
27	Hệ thống tiêu ngòi Phú Khê (*)	Bắc Ninh		7.000	Tiêu ĐT, CN, DS	x	
28	Trạm bơm Yên Ninh	Bắc Ninh		1.492	Tiêu ĐT, CN, DS	x	
29	Trạm bơm Hữu Nghi	Bắc Ninh	164	4.000	Tiêu ĐT, CN, DS	x	
30	Trạm bơm Cống Đầm	Bắc Ninh		1.060	Tiêu ĐT, CN, DS	x	
31	Trạm bơm Tiên Kiều	Bắc Ninh		1.313			x
32	Trạm bơm Mãi Thượng	Bắc Ninh		787			x
33	Trạm bơm Tiên Hưng	Bắc Ninh		600			x
34	Trạm bơm Trí Yên	Bắc Ninh		120		x	
35	Trạm bơm Làng Thảo	Bắc Ninh	200				x
36	Trạm bơm Kim Sơn	Bắc Ninh	60				x
37	Trạm bơm Làng Hoa	Bắc Ninh	50				x
38	Trạm bơm Đại La (*)	Bắc Ninh		2.000		x	
39	Trạm bơm Hồng Thái	Thái Nguyên	322				x

TT	Tên công trình	Tỉnh	Nhiệm vụ công trình			Giai đoạn thực hiện	
			Tưới (ha)	Tiêu (ha)	Kết hợp nhiệm vụ khác	Đến 2030	Sau 2030
40	Trạm bơm Cầu Treo	Thái Nguyên	130				x
41	Trạm bơm Vực Gènh	Thái Nguyên	130				x
42	Trạm bơm Xóm Soi	Thái Nguyên	120				x
43	Trạm bơm Miếu Cự	Bắc Ninh	244			x	
44	Trạm bơm SP2	Thái Nguyên		3.361 (65m ³ /s)	Tiêu DS, ĐT		x
45	Trạm bơm SP9	Thái Nguyên		1.140 (22 m ³ /s)	Tiêu DS, ĐT		x
46	Trạm bơm tiêu số 7	Thái Nguyên		900 (18m ³ /s)	Tiêu DS, ĐT		x
47	Trạm bơm tiêu số 8	Thái Nguyên		1.000 (20m ³ /s)	Tiêu DS, ĐT		x
48	Trạm bơm tiêu số 9	Thái Nguyên		950 (19m ³ /s)	Tiêu DS, ĐT		x
49	Trạm bơm Yên Lãng	TP. Hà Nội		20m ³ /s	Tiêu DS, ĐT, CN		x
50	Xây mới các trạm bơm nhỏ vùng lưu vực sông Cầu - Thương	Các tỉnh					x
III	Cống						
1	Cống Quế Ô	Bắc Ninh		526			x
2	Cống Việt Thống	Bắc Ninh		386	Tiêu DS, ĐT		x
3	Cống Long Khê	Bắc Ninh		256			x
4	Cụm công trình tiêu (nâng cấp 4 cống; xây mới 38 cống); cải tạo hệ thống kênh tiêu	Thái Nguyên		13.450	Tiêu thoát, chống ngập úng cho đô thị trung tâm tỉnh Thái Nguyên	x	x
5	Xây dựng cụm 9 cống tiêu trên đê tả sông Cầu thượng lưu cầu Bến Oánh, 12 cống trên đê tả, hữu Mo Linh, 02 cống hạ lưu Thác Huống	Thái Nguyên		6.000	Tiêu cho DS, ĐT, CN		x
IV	Hệ thống kết nối chuyển nước						
1	Hệ thống kết nối hồ Cẩm Sơn và hồ Khuôn Thần chuyển nước cho vùng cây ăn quả Lục Ngạn	Bắc Ninh	19.800		Cấp nước DS	x	
B.2	Vùng lưu vực sông Đà - Thao						

TT	Tên công trình	Tỉnh	Nhiệm vụ công trình			Giai đoạn thực hiện	
			Tưới (ha)	Tiêu (ha)	Kết hợp nhiệm vụ khác	Đến 2030	Sau 2030
I	Hồ đập						
1	Đập Nậm Kè	Điện Biên	500				x
2	Đập Nậm Mu	Điện Biên	350				x
3	Đập Nậm Vì	Điện Biên	250				x
4	Hồ Nậm Xả	Điện Biên	214		Cấp nước TS, DS	x	x
5	Đập Nậm Ma	Điện Biên	200				x
6	Đập Như Ma Hồ	Điện Biên	200				x
7	Hồ Sái Lương	Điện Biên	151			x	x
8	Hồ Nậm Mùn	Điện Biên	150			x	x
9	Đập Nậm Tấu	Điện Biên	150				x
10	Hồ Nậm Seo	Điện Biên	125		Cấp nước TS, DS	x	
11	Đập Nậm Nhé 2	Điện Biên	120				x
12	Biên Phòng 409	Điện Biên	120				x
13	Đập Bản Đề Dê	Điện Biên	120				x
14	Hồ Chiêu Tính	Điện Biên	110				x
15	Đập Nậm Chà Nội 2	Điện Biên	110				x
16	Hồ Pú Nhung Họ	Điện Biên	100			x	
17	Đập Tả Kho Gừ	Điện Biên	100				x
18	Đập Pa Ma	Điện Biên	100				x
19	Đập Nậm Kè 1	Điện Biên	100				x
20	Đập Ma Thi Hồ 2	Điện Biên	100				x
21	Đập Nậm Pố	Điện Biên	93			x	
22	Hồ Ma Thi Hồ	Điện Biên	1.200			x	
23	Hồ Sa Lôg	Điện Biên	800			x	
24	Hồ Huổi Đích	Điện Biên	500			x	
25	Hà Nậm Ty	Điện Biên	1.300			x	
26	Hồ Sen Thượng	Điện Biên	2.500			x	
27	Hồ Sín Thầu	Điện Biên	1.200			x	
28	Hồ Mô Phí	Điện Biên	1.500			x	
29	Hồ Nậm Sín	Điện Biên	1.000			x	
30	Hồ Nậm San	Điện Biên	1.000			x	
31	Hồ Na Cô Sa	Điện Biên	1.000			x	
32	Hồ Nậm Vì	Điện Biên	1.200			x	
33	Hồ Mường Toong	Điện Biên	1.500			x	
34	Hồ Mường Nhé	Điện Biên	1.500			x	
35	Hồ Nậm Pồ	Điện Biên	4.000			x	

TT	Tên công trình	Tỉnh	Nhiệm vụ công trình			Giai đoạn thực hiện	
			Tưới (ha)	Tiêu (ha)	Kết hợp nhiệm vụ khác	Đến 2030	Sau 2030
36	Hồ Nậm Chua	Điện Biên	1.000			x	
37	Hồ Nậm Củng	Điện Biên	1.500			x	
38	Hồ Nậm Chim	Điện Biên	1.800			x	
39	Hồ Nà Hỷ	Điện Biên	1.200			x	
40	Hồ Quảng Lâm	Điện Biên	2.000			x	
41	Hồ Chả Nưa	Điện Biên	1.000			x	
42	Hồ Ổ Mềm	Phú Thọ	540		Cấp nước DS	x	
43	Hồ Tái Ly	Phú Thọ	220		Cấp nước DS	x	
44	Hồ Thoong	Phú Thọ	155			x	
45	Hồ Dềnh	Phú Thọ	150			x	
46	Hồ Suối Lúng	Phú Thọ	121			x	
47	Hồ Tái Tuồng	Phú Thọ	110			x	
48	Hồ Tái Khái	Phú Thọ	100			x	
49	Hồ Xóm Lọt	Phú Thọ	207			x	
50	Hồ Phiêng Lú	Lai Châu	714		Phát điện, điều tiết dòng chảy	x	
51	Hồ Cẩn Co	Lai Châu	250		Điều tiết dòng chảy	x	
52	Hồ Phăng Sô Lin	Lai Châu	300				x
53	Hồ Nậm Thi	Lai Châu	275		Điều tiết dòng chảy		x
54	Đập Nậm Pồ	Lai Châu	220				x
55	Đập Nậm Mạ Dao	Lai Châu	190				x
56	Đập Sam Sầu	Lai Châu	182				x
57	Đập Ma Sao Phìn	Lai Châu	130				x
58	Đập Chung Chải	Lai Châu	110				x
59	Đập Cốc Pa	Lai Châu	100				x
60	Đập Suối Tả Hồ - Nà Lặc	Lào Cai	290				x
61	Đập Nà Trà	Lào Cai	250			x	
62	Đập Lao Chải	Lào Cai	55				x
63	Đập Nậm Mu	Lào Cai	55				x
64	Đập Vành Pèng	Lào Cai	50				x
65	Đập Thôn Nậm Pên 1	Lào Cai	50				x
66	Đập Mò Phú Chải	Lào Cai	21				x
67	Đập Tùng Chín 2	Lào Cai	20				x
68	Hồ treo Sán Khố Sủ	Lào Cai	20		Cấp nước DS		x
69	Đập Thu Cúc (Đầu mối và kênh mương)	Phú Thọ	3.100			x	x

TT	Tên công trình	Tỉnh	Nhiệm vụ công trình			Giai đoạn thực hiện	
			Tưới (ha)	Tiêu (ha)	Kết hợp nhiệm vụ khác	Đến 2030	Sau 2030
70	Hồ Thục Luyện	Phú Thọ	1.685		Cấp nước DS	x	
71	Hồ Gia Điền	Phú Thọ	200			x	
72	Hồ Độc Hạp	Phú Thọ	198			x	
73	Hồ Đồng Bành	Phú Thọ	196			x	
74	Hồ Chói	Phú Thọ	190			x	
75	Hồ Đồng Mạ	Phú Thọ	184			x	
76	Hồ Chẹn	Phú Thọ	180			x	
77	Đập Ngà	Phú Thọ	122				x
78	Hồ Đát	Phú Thọ	120			x	
79	Hồ Bãi Tê	Phú Thọ	105			x	
80	Hồ Đầm Gai	Phú Thọ	102			x	
81	Hồ Dớn	Phú Thọ	100			x	
82	Hồ Sóng Châu	Phú Thọ	100			x	
83	Đập Ót Nội (huổi Muông)	Sơn La	383			x	
84	Hồ Bản Mòn 1	Sơn La	220				x
85	Đập Đông Sang	Sơn La	50				x
86	Đập Dúp Kén	Sơn La	40				x
87	Đập Ngòi Gùa	Lào Cai	373			x	
88	Đập Phai Rin	Lào Cai	150			x	
89	Đập Sài Lương 2	Lào Cai	150			x	
90	Đập Nạ Phang	Lào Cai	112			x	
91	Đập Khe Xá 1	Lào Cai	110			x	
92	Đập Nhiêu Năm 1	Lào Cai	91			x	
93	Hồ Đầm Lớn	Lào Cai	80			x	
94	Xây mới các hồ, đập nhỏ vùng lưu vực sông Đà - Thao	các tỉnh				x	x
II	Trạm bơm						
1	Trạm bơm Ngòi Dong	Phú Thọ		470		x	
2	Trạm bơm Bờ Hồ	Phú Thọ	123				x
3	Trạm bơm Ghềnh Dê	Phú Thọ	120			x	
4	Trạm bơm Mạn Lạn	Phú Thọ		4.105			x
5	Trạm bơm La Phù	Phú Thọ		500			x
6	Trạm bơm Ngòi Cầu Trắng	Phú Thọ		300		x	
7	Trạm bơm Bảo Yên	Phú Thọ		300		x	
8	Trạm bơm Thạch Đồng	Phú Thọ	320			x	

TT	Tên công trình	Tỉnh	Nhiệm vụ công trình			Giai đoạn thực hiện	
			Tưới (ha)	Tiêu (ha)	Kết hợp nhiệm vụ khác	Đến 2030	Sau 2030
9	Xây mới các trạm bơm nhỏ tiêu vùng Đà - Thao	Các tỉnh				x	
III	Công						
1	Công Ngòi Dân	Phú Thọ		50	Tiêu ĐT	x	
IV	Kênh mương						
1	Hệ thống kênh mương hồ Ngòi Giành	Phú Thọ	7.700		Cấp nước DS, TS	x	
2	Hoàn thiện Hệ thống kênh Nà Sản	Sơn La	706			x	
3	Hoàn thiện Hệ thống kênh hồ Bán Mòng	Sơn La	947			x	
B.3	Vùng lưu vực sông Lô - Gâm						
I	Hồ đập						
1	Hồ Bò Lạc 2	Phú Thọ	100		Điều tiết dòng chảy		x
2	Hồ Đồng Bùa 2	Phú Thọ	100		Điều tiết dòng chảy		x
3	Đập Đồng Ích	Phú Thọ	280		Điều tiết dòng chảy		x
4	Đập Phú Hậu	Phú Thọ	500		Điều tiết dòng chảy		x
5	Đập Tân Trịnh	Tuyên Quang	100			x	
6	Hồ Thôn Thượng	Tuyên Quang	147			x	
7	Hồ Nà Ôm	Tuyên Quang	173			x	
8	Hồ Nậm Thuổng	Tuyên Quang	800		Cấp nước DS, du lịch		x
9	Hồ Hậu Cầu Hán	Tuyên Quang	260		Cấp nước DS, du lịch		x
10	Hồ Tùng Sán	Tuyên Quang	250		Cấp nước DS, du lịch		x
11	Hồ Nà Đồng 1	Tuyên Quang	200		Cấp nước DS, du lịch		x
12	Hồ Nà Đồng 2	Tuyên Quang	200		Cấp nước DS, du lịch		x
13	Hồ Mậu Duệ	Tuyên Quang	150		Cấp nước DS		x
14	Hồ Bản Thăng	Tuyên Quang	100		Cấp nước DS		x
15	Hồ Cao Bành	Tuyên Quang	100		Cấp nước DS		x
16	Hồ Bản Mã	Tuyên Quang	80		Cấp nước DS		x
17	Hồ Phố Cáo	Tuyên Quang	80		Cấp nước DS		x
18	Hồ Lao Pờ	Tuyên Quang	80		Cấp nước DS		x
19	Hồ Má Lé	Tuyên Quang	80		Cấp nước DS		x
20	Hồ Má Lé 2	Tuyên Quang	70		Cấp nước DS		x

TT	Tên công trình	Tỉnh	Nhiệm vụ công trình			Giai đoạn thực hiện	
			Tưới (ha)	Tiêu (ha)	Kết hợp nhiệm vụ khác	Đến 2030	Sau 2030
21	Hồ Lùng Vai	Tuyên Quang	60		Cấp nước DS		x
22	Hồ Phó Mỹ	Tuyên Quang	100		Cấp nước DS		x
23	Đập Phiêng Kẽm	Thái Nguyên	30			x	
24	Hồ Khuổi Pục	Thái Nguyên	20			x	
25	Đập Nà Lào	Thái Nguyên	15			x	
26	Đập Khuổi Tráng	Thái Nguyên	60		Cấp nước DS	x	
27	Hồ Phai Khít	Thái Nguyên	36		Cấp nước DS	x	
28	Hồ Hóa Chư Phùng (giai đoạn 2)	Lào Cai	200			x	
29	Hồ Pha Long	Lào Cai	80		Cấp nước DS	x	
30	Đập Lùng Phình	Lào Cai	70				x
31	Đập Nậm Khánh	Lào Cai	50				x
32	Đập Lùng Khẩu Nhin	Lào Cai	30		Cấp nước DS		x
33	Đập Thôn Pắc kẹ	Lào Cai	24				x
34	Đập thôn Ma Ngán.	Lào Cai	20		Cấp nước DS		x
35	Đập Thác Mơ	Tuyên Quang	100			x	
36	Đập Bản Tân	Tuyên Quang	75			x	
37	Hồ Nà Phung	Tuyên Quang	50		Điều tiết dòng chảy	x	
38	Đập Bản Bon	Tuyên Quang	42			x	
39	Hồ Thôn Chản	Tuyên Quang	22			x	
40	Hồ Đát Đền	Tuyên Quang	150		Điều tiết dòng chảy		x
41	Đập Cẩm Nhân	Lào Cai	50			x	
42	Xây mới các hồ, đập nhỏ vùng lưu vực sông Lô Gâm	Các tỉnh				x	
II	Trạm bơm						
1	Trạm bơm Cầu Ngạc	Phú Thọ		5.600			x
2	Trạm bơm Cầu Độ	Phú Thọ		3.600			x
3	Trạm bơm Hùng Xuyên	Phú Thọ	509			x	
4	Trạm bơm Cầu Gân	Phú Thọ		4.200		x	
5	Trạm bơm Hữu Đô	Phú Thọ	316			x	
6	Trạm bơm Đông Khê	Phú Thọ	557			x	
7	Trạm bơm Gènh Dầu	Phú Thọ	924			x	
8	Trạm bơm Kéo Ngô	Tuyên Quang	40				x
9	Trạm bơm Quan Hạ	Tuyên Quang	29			x	
10	Trạm bơm Làng Bình	Tuyên Quang	15			x	

TT	Tên công trình	Tỉnh	Nhiệm vụ công trình			Giai đoạn thực hiện	
			Tưới (ha)	Tiêu (ha)	Kết hợp nhiệm vụ khác	Đến 2030	Sau 2030
III	Kênh mương						
1	Hệ thống tiêu thoát nước trung tâm huyện Si Ma Cai	Lào Cai		24			x
2	Hệ thống tiêu thoát nước cánh đồng Cán Hồ - xã Quan Hồ Thẩn	Lào Cai		44			x
3	Hệ thống kênh mương nhỏ vùng lưu vực sông Lô - Gâm	Tuyên Quang				x	
B.4	Vùng Tả sông Hồng						
I	Hồ đập						
1	Xây dựng hệ thống kênh mương và các đập điều tiết trên sông Tiên Hưng, Sa Lung, Kiến Giang...	Hung Yên			Điều tiết mực nước	x	x
II	Trạm bơm						
1	Sông Dăm	Bắc Ninh		50m ³ /s	Tiêu ĐT và sân bay Gia Bình	x	
2	Sông Đoàn	Bắc Ninh		50m ³ /s	Tiêu ĐT và sân bay Gia Bình	x	
3	Trạm bơm xã Phạm Trấn	TP. Hải Phòng	100			x	
4	Trạm bơm xã Đoàn Thượng	TP. Hải Phòng	50			x	
5	Trạm bơm Nam Kẻ Sặt (*)	Hung Yên		90 m ³ /s	Tiêu CN, ĐT, DS, kết hợp tạo nguồn cấp nước	x	x
6	Trạm bơm Hùng Thắng	TP. Hải Phòng		767		x	
7	Trạm bơm Văn Phú C	Hung Yên		650	Tiêu CN, ĐT, DS	x	
8	Trạm bơm Đò Đồn	TP. Hải Phòng		650			x
9	Trạm bơm Tứ Thông	TP. Hải Phòng		613			x
10	Trạm bơm Phụng Công - Văn Đức	TP. Hà Nội		655			x
11	Trạm bơm Bảo Tàng	Hung Yên	77				x
12	Các trạm bơm vùng bãi	Hung Yên	80				x
13	Trạm bơm Nam Tiền Hải 2	Hung Yên	4.000			x	
14	Trạm bơm tưới vùng bãi cho rau màu	Hung Yên	2.000			x	

TT	Tên công trình	Tỉnh	Nhiệm vụ công trình			Giai đoạn thực hiện	
			Tưới (ha)	Tiêu (ha)	Kết hợp nhiệm vụ khác	Đến 2030	Sau 2030
15	Trạm bơm Bách Thuận	Hung Yên		300		x	
16	Trạm bơm Hồng Lý	Hung Yên		310		x	
17	Trạm bơm Vũ Vân	Hung Yên	70	250		x	
18	Trạm bơm Môn Quảng 2	Bắc Ninh	500			x	
19	Trạm bơm Cao Đức	Bắc Ninh		3.000			x
20	Trạm bơm Minh Tân 2	Bắc Ninh		1.560			x
21	Tiếp tục xây dựng trạm bơm Ngọ Xá	Bắc Ninh		1.808		x	
22	Trạm bơm Cự Khối	TP. Hà Nội		55 m ³ /s			x
23	Trạm bơm Gia Thượng	TP. Hà Nội		10 m ³ /s			x
24	Xây mới các trạm bơm nhỏ vùng Tả sông Hồng	Các tỉnh					x
III	Cống						
1	Cống Đò Ne	TP. Hải Phòng	489	4.491	Tiêu DS	x	
2	Cống Văn Thai	TP. Hải Phòng	1.003	2.571	Tiêu DS	x	
3	Cống Cổ Ngựa	TP. Hải Phòng	553	2.300	Tiêu DS	x	
4	Cống sông Rùa	TP. Hải Phòng	525	1.914	Tiêu DS	x	
5	Cống Lạc Dục	TP. Hải Phòng	396	1.400	Tiêu DS	x	
6	Cống Nghi Xuyên	Hung Yên	20 m ³ /s		Hỗ trợ tiêu cho hệ thống	x	x
7	Cống Phú Lạc	TP. Hải Phòng	1.600				x
8	Cống Việt Hùng	TP. Hải Phòng	1.600				x
B.5	Vùng Hữu sông Hồng						
I	Hồ đập						
1	Đập Chợ Lương	Ninh Bình	4.000				x
2	Hồ Thượng Tiến	Phú Thọ	2.500		Phòng chống lũ, cấp nước DS, phát điện		x
3	Hồ Tiên Hội	Phú Thọ	313			x	
4	Hồ Mòng	Phú Thọ	150			x	
II	Trạm bơm						
1	Trạm bơm Lương Cồ (*)	Ninh Bình		33.888	Tiêu CN, ĐT, DS	x	x
2	Trạm bơm Nhân Trảng 2	Ninh Bình	6.037	6.850	Tiêu DS		x
3	Trạm bơm Nhân Hòa 2	Ninh Bình		3.950	Tiêu DS	x	x
4	Trạm bơm Yên Lệnh 2	Ninh Bình		2.360	Tiêu CN, DS		x
5	Trạm bơm Quế 3	Ninh Bình		2.200	Tiêu CN, DS		x
6	Trạm bơm Đan Xuyên 2	Ninh Bình		325	Tiêu CN, DS		x

TT	Tên công trình	Tỉnh	Nhiệm vụ công trình			Giai đoạn thực hiện	
			Tưới (ha)	Tiêu (ha)	Kết hợp nhiệm vụ khác	Đến 2030	Sau 2030
7	Trạm bơm Nguyên Chính	Ninh Bình	1.648				x
8	Trạm bơm Mộc Bắc	Ninh Bình	1.500			x	
9	Trạm bơm Nhật Tựu	Ninh Bình	1.188				x
10	Trạm bơm NP5	Ninh Bình	517				x
11	Trạm bơm Trác Văn	Ninh Bình	159	150			x
12	Trạm bơm Lạc Tràng 3	Ninh Bình		929	Tiêu CN, DS		
13	Trạm bơm Lý Nhân (Như Trác 2)	Ninh Bình		6.300	Hỗ trợ tiêu cho lưu vực Hữu Bị; Tiêu DS	x	
14	Trạm bơm Liên Mạc	TP. Hà Nội	Kết hợp tưới	170m ³ /s (Giai đoạn I: 70m ³ /s)	Cải thiện môi trường, tiêu DS, ĐT, CN	x	x
15	Trạm bơm Lương Phú	TP. Hà Nội	Bổ sung nguồn (20m ³ /s)		Cải thiện môi trường nước sông Tích		x
16	Trạm bơm Cẩm Đình	TP. Hà Nội	Bổ sung nguồn (10m ³ /s)		Cải thiện môi trường nước sông Đáy		x
17	Trạm bơm Cao Viên	TP. Hà Nội		4.608	Tiêu DS		x
18	Trạm bơm Khai Thái 2	TP. Hà Nội		4.200	Tiêu DS, CN		x
19	Trạm bơm Yên Thái	TP. Hà Nội		3.500	Tiêu DS, ĐT, CN		x
20	Trạm bơm Phú Minh	TP. Hà Nội		3.000	Tiêu DS, CN		x
21	Trạm bơm Hữu Văn, Sông Đào, Trại Cốc	TP. Hà Nội		2.486	Tiêu DS		x
22	Trạm bơm Phú Lương	TP. Hà Nội		2.000	Tiêu DS		x
23	Trạm bơm Khúc Bằng	TP. Hà Nội		1.630	Tiêu DS		x
24	Trạm bơm Thụy Đức 2	TP. Hà Nội		1.500	Tiêu DS	x	
25	Trạm bơm Tiên Phong	TP. Hà Nội		740	Tiêu DS	x	
26	Trạm bơm Tây Đằng	TP. Hà Nội		500		x	
27	Trạm bơm Nam Thăng Long	TP. Hà Nội		450	Tiêu DS, ĐT, CN		x
28	Trạm bơm Thuận Mỹ 1	TP. Hà Nội	250	250		x	
29	Trạm bơm Thuận Mỹ 2	TP. Hà Nội		150		x	
30	Trạm bơm An Phú 2	TP. Hà Nội		137		x	
31	Trạm bơm Đầm Thợ	TP. Hà Nội		52			x
32	Trạm bơm Đường Dòng	TP. Hà Nội		10m ³ /s	Tiêu ĐT		x

TT	Tên công trình	Tỉnh	Nhiệm vụ công trình			Giai đoạn thực hiện	
			Tưới (ha)	Tiêu (ha)	Kết hợp nhiệm vụ khác	Đến 2030	Sau 2030
33	Trạm bơm Nam Thường Tín (Chương Dương)	TP. Hà Nội		18.000	Tiêu ĐT	x	x
34	Trạm bơm Cống Mý	Ninh Bình	310	1.086	Tiêu DS	x	
35	Trạm bơm Độc Bộ (*)	Ninh Bình		4.500	Tiêu DS	x	x
36	Trạm bơm Cỏ Đam 2 (*)	Ninh Bình		2.897	Tiêu DS	x	x
37	Hệ thống tiêu Nam Ninh - Trạm bơm Rông (*)	Ninh Bình		16.300	Tiêu DS	x	x
38	Trạm bơm Lâm Hùng Hải (*)	Ninh Bình		1.040	Tiêu DS		x
39	Trạm bơm Đại Tám (*)	Ninh Bình		1.780	Tiêu DS		x
40	Trạm bơm Thanh Hương (*)	Ninh Bình		1.040	Tiêu DS		x
41	Trạm bơm Quân Vinh 1 (*)	Ninh Bình		1.780	Tiêu DS		x
42	Trạm bơm Quân Vinh 2 (*)	Ninh Bình		1.780	Tiêu DS		x
43	Trạm bơm Chi Tây (*)	Ninh Bình		390			x
44	Trạm bơm Thuần Hậu (*)	Ninh Bình		360			x
45	Trạm bơm Múc 2 (*)	Ninh Bình		4.000			x
46	Trạm bơm Ninh Mỹ (*)	Ninh Bình		1.700			x
47	Trạm bơm Âu Lê (*)	Ninh Bình		6.427	Tiêu DS, ĐT	x	
48	Trạm bơm Bạch Cừ 2	Ninh Bình		2.182	Tiêu DS, ĐT	x	
49	Trạm bơm Ninh Phong 3	Ninh Bình		923		x	
50	Trạm bơm Xóm Soi	Ninh Bình		875			x
51	Trạm bơm Phúc Chính	Ninh Bình		647			x
52	Trạm bơm Đồng Tâm	Ninh Bình	350	560		x	
53	Trạm bơm Cống Tràng	Ninh Bình		477			x
54	Trạm bơm Xuân Áng	Ninh Bình		350		x	
55	Trạm bơm Sát (Cống Quỳnh)	Ninh Bình	150	258		x	
56	Trạm bơm Xóm Chạ	Ninh Bình	300				x
57	Trạm bơm Xóm Đê	Ninh Bình	250				x
58	Trạm bơm Nam Biên	Ninh Bình	250				x
59	Trạm bơm Gia Lập	Ninh Bình	150			x	
60	Trạm bơm Gia Tân 2	Ninh Bình		886		x	
61	Trạm bơm Hoàng Quyền 2	Ninh Bình		650		x	
62	Trạm bơm Gia Tiến	Ninh Bình		1.300	Tiêu DS	x	
63	Trạm bơm Phát Diệm 2	Ninh Bình		3.200	Tiêu DS	x	
64	Trạm bơm Lạc Thiện	Ninh Bình		3.000	Tiêu DS	x	

TT	Tên công trình	Tỉnh	Nhiệm vụ công trình			Giai đoạn thực hiện	
			Tưới (ha)	Tiêu (ha)	Kết hợp nhiệm vụ khác	Đến 2030	Sau 2030
65	Trạm bơm Đình Đồi	Ninh Bình		1.000	Tiêu DS	x	
66	Trạm bơm Cống Mạc - Khánh Tiên	Ninh Bình	450	450		x	
67	Trạm bơm Cống Ngòi Kiên - Khánh Công	Ninh Bình	350	350		x	
68	Trạm bơm Yên Bình	Phú Thọ	140			x	
69	Xây mới các trạm bơm nhỏ vùng Hữu sông Hồng	Các tỉnh					x
III	Cống						
1	Âu, cống Quan Trung + Âu, cống Vĩnh Trụ, xi phông Vĩnh Trụ	Ninh Bình	5.700		Giao thông thủy	x	
2	Cống trên sông Cà Mau (đoạn giáp huyện Yên Mô)	Ninh Bình	4.500	4.500		x	
3	Cống trên kênh tiêu trạm bơm Đồng Đình (giáp sông Giấy)	Ninh Bình		695		x	
4	Kênh gạt lũ Phong Thành	Ninh Bình			Phòng chống lũ	x	
5	Cống Như Trác	Ninh Bình	7.500	6.200	Tiêu DS	x	
6	Cống Nhâm Trảng	Ninh Bình	6.100	6.900	Tiêu DS	x	
IV	Hệ thống kết nối chuyển nước						
1	Hệ thống công trình chuyển nước từ sông Tích sang sông Đáy	TP. Hà Nội			Kết nối, chuyển nước từ sông Tích sang sông Đáy, cải tạo môi trường.		x
B.6	Vùng Hạ du sông Thái Bình						
I	Trạm bơm						
1	Trạm bơm Cống Sỏ	TP. Hải Phòng		592		x	
2	Trạm bơm Thượng Chiểu	TP. Hải Phòng		390		x	
3	Trạm bơm Cộng Hiền 2	TP. Hải Phòng		2.500	Tiêu TS, CN, DS	x	
4	Trạm bơm Đụn	TP. Hải Phòng		2.500	Tiêu TS, CN, DS	x	
5	Trạm bơm Thủy Triều	TP. Hải Phòng		13 m ³ /s	Tiêu ĐT, CN, DS	x	
6	Trạm bơm Sáu Phiền	TP. Hải Phòng		16 m ³ /s	Tiêu ĐT, CN, DS	x	
7	Trạm bơm Họng (cụm cống Họng)	TP. Hải Phòng	2.500	2.500		x	
8	Trạm bơm Yên Hải	Quảng Ninh		1.146	Tiêu TS, CN, DS		x
9	Trạm bơm Phong Cốc	Quảng Ninh		514	Tiêu TS, CN, DS	x	

TT	Tên công trình	Tỉnh	Nhiệm vụ công trình			Giai đoạn thực hiện	
			Tưới (ha)	Tiêu (ha)	Kết hợp nhiệm vụ khác	Đến 2030	Sau 2030
10	Trạm bơm Vị Dương	Quảng Ninh		1.375	Tiêu TS, CN, DS	x	
11	Trạm bơm Liên Hòa	Quảng Ninh		420	Tiêu TS, CN, DS	x	
12	Trạm bơm Phong Hải	Quảng Ninh		665	Tiêu TS, CN, DS		x
13	Trạm bơm Hà An	Quảng Ninh		986	Tiêu TS, CN, DS		x
14	Trạm bơm Sông Khoai	Quảng Ninh		2.373	Tiêu TS, CN, DS	x	
15	Xây mới các trạm bơm nhỏ vùng Hạ du sông Thái Bình	Các tỉnh					x
II	Cống						
1	Cống Hồng Lạc	TP. Hải Phòng		5.500	Tiêu DS	x	
2	Cống Kênh Trung	TP. Hải Phòng	270	1.363	Tiêu DS	x	
3	Cống Cầu Mực	TP. Hải Phòng	2.500	2.500	Tiêu DS, CN, TS	x	

Ghi chú:

1. Quy mô, nhiệm vụ, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình, dự án sẽ được tính toán, lựa chọn, xác định cụ thể trong giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động nguồn lực đầu tư của từng giai đoạn.

2. Các từ viết tắt: DS: Dân sinh; ĐT: Đô thị; CN: Công nghiệp; TS: Thủy sản.

3. (*): Trạm bơm tiêu hỗ trợ.